

Số: 32/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 1983

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về tiêu chuẩn diện tích nhà làm việc, nhà phục vụ lợi ích công cộng cấp phường (nội thành)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

_ Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp ngày 27-10-1962;

_ Căn cứ Nghị định 02/CP ngày 04-01-1979 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ thống nhất quản lý nhà cửa ở các thành phố, thị xã, thị trấn;

_ Căn cứ Chỉ thị 216/TTg ngày 02-7-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý nhà cửa và giải quyết các trường hợp sử dụng nhà không hợp lý ở thành phố Hồ Chí Minh;

_ Căn cứ quyết định 244/QĐ-UB ngày 28-10-1981 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành bản qui định về phân công phân cấp quản lý nhà cửa tại thành phố Hồ Chí Minh;

_ Căn cứ Quyết định 55/QĐ ngày 20-3-1981 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành bản qui định về phương hướng và nội dung phân công phân cấp quản lý cho phường, xã;

_ Theo đề nghị của Hội đồng kiểm tra xử lý nhà thành phố và Giám đốc Sở Quản lý Nhà đất và Công trình công cộng trong tờ trình số 69/216 ngày 17-01-1983.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành quy định về tiêu chuẩn diện tích nhà làm việc, nhà phục vụ lợi ích công cộng cấp phường thuộc các Quận 1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, Bình Thạnh, Tân Bình, Phú Nhuận (trừ Gò Vấp) thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2.- Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với qui định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố,

Thường trực Hội đồng kiểm tra xử lý nhà thành phố, Giám đốc Sở Quản lý Nhà đất và Công trình công cộng, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các Quận, và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các Phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Lê Đình Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về tiêu chuẩn diện tích nhà làm việc, nhà phục vụ lợi ích công cộng cấp phường (nội thành)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/QĐ-UB ngày 02-02-1983 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).

Điều 1.

I.- Tiêu chuẩn diện tích nhà làm việc (tính theo diện tích sử dụng chính).

1. Tiêu chuẩn diện tích nhà làm việc hành chánh do các tổ chức Đảng, chánh quyền mặt trận cấp Phường, kể cả số nhân viên do Quận biệt phái công tác dài hạn tại Phường là 110m² (tính theo tiêu chuẩn 4m²/người).

Mỗi phường được có một phòng họp diện tích từ 40-60m² và một phòng tiếp khách chung diện tích 20m².

2. Diện tích để làm việc ăn, ở tập trung của Phường đội là 60m² với phường loại 2, và 80m² với phường loại 1 (tính theo tiêu chuẩn 4m²/người)

3. Diện tích để làm việc ăn ở tập trung của Công an phường từ 110m² đến 140m².

- Diện tích nơi tạm giam giữ người phạm pháp là 10m² (tính chung là 150m² với phường loại 1, loại 2 là 120m² với phường loại 3 (.....) tính theo tiêu chuẩn 4m²/người).

Điều 2.

II.- Tiêu chuẩn diện tích nhà phục vụ lợi ích công cộng (tính theo diện tích sử dụng chính).

1. *Hợp tác xã tiêu thụ*: Mỗi phường được tổ chức một hợp tác xã tiêu thụ với một hoặc nhiều điểm bán; diện tích sử dụng chính là $60m^2$ với phường có dân số đến 10.000 dân và $80m^2$ với phường có dân số trên 10.000 dân.

Nếu không đủ diện tích, hợp tác xã tự thuê nhà của tư nhân, xây cất bằng vốn tự có, hoặc tổ chức đại lý (sử dụng nhà của xã viên). Nhà nước không cấp thêm nhà cửa.

2. *Cửa hàng giải khát*: Cửa hàng tự thuê nhà tư nhân, Nhà nước không cấp nhà cửa.

3. *Cửa hàng lương thực*: Tổ chức liên phường với một số điểm bán, do Sở Lương thực phối hợp với quận bố trí sắp xếp theo kế hoạch ngành và mô hình quận huyện.

4. *Nhà trẻ*: Mỗi phường được tổ chức một hay nhiều nhà trẻ tùy theo số lượng trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và mức phấn đấu để đạt 45-50% tổng số trẻ trong độ tuổi được gửi vào nhà trẻ. Diện tích sử dụng chính được tính $2,5m^2$ /trẻ (chưa tính diện tích phụ và các diện tích phục vụ).

5. *Trường mẫu giáo*: Mỗi phường được tổ chức một hay nhiều trường mẫu giáo tùy theo số lượng trẻ trong độ tuổi mẫu giáo và mức phấn đấu để đạt được 65-75% tổng số trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được vào học mẫu giáo. Diện tích sử dụng chính được tính $1,5m^2/cm$ (chưa tính diện tích phụ và các diện tích phục vụ).

6. *Trường phổ thông cơ sở*: Tổ chức Liên Phường do Sở Giáo dục và quận bố trí theo quy hoạch. Diện tích sử dụng chính để học được tính $1,5m^2$ /học sinh (chưa tính diện tích phụ và các diện tích phục vụ).

7. *Nhà văn hóa Thông tin kết hợp với các loại hoạt động TDTT*: Mỗi phường được bố trí một nhà sử dụng chung cho hoạt động văn hóa thông tin và thể thao. Diện tích sử dụng chính $60m^2$ với phường có dân số đến 10.000 dân và $80m^2$ với phường có dân số trên 10.000 dân.

Mỗi phường được bố trí thêm một sân hoặc bãi thể dục thể thao có diện tích khoảng $500m^2$ (nếu có điều kiện).

8. *Trạm Y tế*: Mỗi phường cần có một Trạm Y tế để quản lý sức khỏe nhân dân. Diện tích sử dụng chính $30m^2$ với phường có dân số đến 10.000 dân và $40m^2$ với phường có dân số trên 10.000 dân.

9. Nhà cửa của Nhà nước do các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc kinh tế tập thể sử dụng :

Nhà nước không cấp nhà cho các hợp tác xã và tổ hợp dùng để sản xuất kinh doanh mà khuyến khích các tổ chức này thuê nhà của tư nhân hoặc sử dụng nhà của xã viên. Những nhà của Nhà nước trước đây được phường tạm giao để sản xuất kinh doanh nếu không còn sử dụng nữa phải trả lại cho Nhà nước, nếu có tiếp tục sử dụng phải đăng ký xin cấp giấy phép sử dụng và ký hợp đồng thuê nhà với

Cơ quan Quản lý nhà đất theo quy định.

10. *Vệ sinh công cộng*: Mỗi phường được bố trí một nhà tiểu tiện diện tích tối thiểu là $4m^2$, tối đa là $8m^2$, nhà đại tiện theo quy hoạch của quận.

Liên Phường bố trí một địa điểm làm xuống rác công cộng. diện tích mặt bằng là $24m^2$

Điều 3.

1. Giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân phường kiểm tra sắp xếp điều chỉnh nhà cửa đang sử dụng cho phù hợp với tiêu chuẩn quy định tại điều 1, điều 2. nhà cửa hoặc diện tích thừa phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết cho yêu cầu khác, không được tự tiện phân phối sử dụng, chuyển đổi, đuôi nhà, chiếm nhà, mở rộng diện tích, kể cả khi sát nhập, giải thể phường.

2. Nhà cửa hoặc diện tích thừa được giữ lại ở phường và quận 50% để phân phối cho nhu cầu nhà ở của phường và quận. Những nhà có diện tích $30m^2$ trở xuống, quận được quyền phân phối, trên $30m^2$ phải trình Sở Quản lý nhà đất và công trình công cộng để trình Hội đồng phân phối nhà thành phố xét quyết định.

3. Nhà cửa giữ lại để phường sử dụng phải kê khai đăng ký để xét cấp giấy sử dụng nhà cửa, sau đó phải ký hợp đồng thuê nhà với cơ quan quản lý nhà đất theo thể lệ hiện hành.

4. Những nhà cửa do phường sử dụng mà không kê khai đăng ký hoặc kê khai không chính xác nếu kiểm tra phát hiện được, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân phường phải chịu trách nhiệm và bị xử lý kỷ luật.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đình Nhơn